

Bản án số: 101/2024/DS-ST

Ngày 26 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có cầm  
cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Huỳnh Sinh.

2. Bà Bùi Thị Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2024/TLST-DS ngày 30/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản”, “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐ-HPT, ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Địa chỉ: Số 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông K NAPAT, chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Hoàn T (theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023) (có mặt). Địa chỉ: Số 273 N, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty cổ phần S tiền có ngay (gọi tắt là Công ty S) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 27/3/2024 và có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 14/4/2024. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 24/02/2023, Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang (nay là Chi nhánh Ninh Thuận – TP. Phan Rang 1 – Công ty cổ phần S tiền có ngay) với bà Trần Thị Thùy T có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: PRM230202027NA21X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại xe, Phụ lục hợp đồng cầm cố và Phiếu đăng ký cầm cố xe máy như sau:

Bà T cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85, số khung RLHJK0117MZ638303, số máy JK01E0176248, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 005303 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Trần Thị Thùy T ngày 24/6/2021 để nhận số tiền là 34.100.000 đồng.

Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Thời hạn cầm cố 12 tháng, với mức lãi suất 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) là 3.145.798 đồng vào ngày 24 hàng tháng từ tháng 3/2023 đến tháng 02/2024.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Phí quản lý hồ sơ cố định: 0.5%/ tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền và phí hợp lý khác theo quy định tại mục 1 của Phụ lục về điều khoản chung đính kèm theo Hợp đồng.

Phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu: 511.500 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm: 150.000 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng, công ty đã nhận số tiền trên).

Phí trả nợ trước hạn: 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn (thu khi khách hàng có nguyện vọng muốn trả nợ trước hạn).

Phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí: 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Trong trường hợp nghĩa vụ vi phạm là nghĩa vụ thanh toán đúng hạn là khách hàng sẽ thanh toán giá trị phạt vi phạm bằng 8% tổng số tiền gốc theo kỳ mà khách hàng chưa thanh toán tại thời điểm áp dụng quy định phạt vi phạm này.

Công ty S nhận tài sản bảo đảm là xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85 của bà T đã tiến hành đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội cấp văn bản chứng nhận mã hồ sơ thủ tục hành chính số 000.01.18.G15-220604-0031.

Ngày 24/02/2023 bà T đã có văn bản ủy quyền cho Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang được thực hiện các nội dung ủy quyền trong đó có nội dung: Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang được thay mặt bà T quản lý, sử dụng và định đoạt (cho thuê, cho mượn...) tài sản bảo đảm. Và cùng ngày Công ty TNHH S Việt Nam - Chi nhánh Phan Rang và bà T đã ký giấy mượn xe thỏa thuận cho bà T mượn lại đối với xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85 là tài sản mà bà T đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: PRM230202027NA21X ngày 24/02/2023. Thời hạn mượn xe 30 ngày từ ngày 24/02/2023 đến 24/3/2023. Phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 1.023.000 đồng/tháng. Trường hợp thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 682.000 đồng /tháng. Phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy: 1.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên bà T đã thanh toán được 4 kì (ngày 6/4/2023, ngày 7/6/2023, ngày 8/9/2023, ngày 09/10/2023) tổng số tiền bao gồm gốc, lãi, phí trễ hạn và phí thuê tài sản là 19.650.0000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 10.653.072 đồng, lãi suất 1.456.709 đồng, phí quản lý hồ sơ là 720.393 đồng, phí phạt 1.703.835 đồng, phí bảo dưỡng hao mòn là 5.115.000 đồng.

Từ sau ngày 09/10/2023 đến nay, bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Do bà T thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà Trần Thị Thùy T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85B1-864.85, loại xe: Honda SH Mode số khung: RLHJK0117MZ638303, số máy: JK01E0176248, theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh – Công ty cổ phần S tiền có ngày số PRM230202027NA21X ngày 24/02/2023. Trường hợp bà T không trả lại xe cầm cố buộc bà T thanh toán số tiền gốc, lãi và phí là 39.614.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) tính đến ngày 1/7/2024 cho Công ty và còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 28/8/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàn T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty S không yêu cầu bà T phải trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 85B1-864.85, hiệu Honda loại xe SH Mode là tài sản bảo đảm cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại của Công ty cổ phần S tiền có ngay. Buộc bà T trả số tiền gốc, lãi và các khoản phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết là Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Không yêu cầu bà T phải trả các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo hợp đồng đã ký kết là Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe.

Buộc bà Trần Thị Thùy T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 26/9/2024 là 28.625.255 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 23.446.928 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.052.351 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.125.976 đồng. Kể từ ngày tiếp theo bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 005303 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Trần Thị Thùy T và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn bà Trần Thị Thùy T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bị đơn trả lại tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85 đã mượn và các khoản phí phát sinh chưa thanh toán theo Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng và Giấy mượn xe; buộc bà T phải trả số tiền chưa thanh toán gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay căn cứ theo quy định tại Điều 244 của BLTTDS.

[1.2] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền vay đã nhận khi cầm cố tài sản và trả lại xe đã mượn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang -

Tháp Chàm, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: PRM230202027NA21X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại xe, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, Giấy ủy quyền, Giấy mượn xe, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng Mã hồ sơ TTHC 000.01.18.G15-220604-0031 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội chứng nhận, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 24/02/2023, giữa Công ty S và bà Trần Thị Thùy T có thỏa thuận và ký kết hợp đồng về việc vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85, để vay số tiền là 34.100.000 đồng (bút lục số 21, 22), Công ty S đã giao tiền (hình thức chuyển khoản) và bà T đã nhận đủ số tiền trên. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng hợp pháp, là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Công ty S được 4 kì, tổng số tiền là 19.650.0000 đồng cụ thể như sau: tiền gốc là 10.653.072 đồng, lãi suất 1.456.709 đồng, phí quản lý hồ sơ là 720.393 đồng, phí phạt 1.703.835 đồng, phí bảo dưỡng hao mòn là 5.115.000 đồng. Kể từ sau ngày 9/10/2023 đến nay bà T không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty S. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được Công ty S nhắc nhở nhiều lần, vi phạm Hợp đồng đã ký do đó bà T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 26/9/2024, bà T còn nợ Công ty S số tiền 28.625.255 đồng (trong đó: nợ gốc: 23.446.928 đồng; lãi trong hạn 1.052.351 đồng; lãi quá hạn: 4.125.976 đồng). Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty S các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản cầm cố là xe máy hiệu HONDA, số loại SH MODE biển số 85B1-864.85 và các khoản phí chưa thanh toán mà Công ty S và bà T đã ký tại Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe do Công ty S không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 005303 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà T và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay.

2. Buộc bà Trần Thị Thùy T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tính đến ngày 26/9/2024 là 28.625.255 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 23.446.928 đồng; lãi trong hạn 1.052.351 đồng; lãi quá hạn: 4.125.976 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty cổ phần S tiền có ngay và bà T thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi bà Trần Thị Thùy T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S tiền có ngay có nghĩa vụ giao trả cho bà T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 005303 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Trần Thị Thùy T ngày 24/6/2021 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Thùy T phải chịu 1.431.262 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002971 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diệu**